TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HS-ST
Ngày: 30-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Ngọc;

Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thành Danh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Phúc L (L Anh), sinh năm 1991, tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp LT, xã LTT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: kinh; G1 tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B và Trịnh Thị T; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2014/HSST ngày 15-5-2014, Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xử phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 187/2008/HSST ngày 27-11-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 tháng 27 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; Ngày 17-4-2018 đang thi hành quyết Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma

túy tỉnh Tây Ninh thì bỏ trốn; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HSST ngày 14-11-2018, Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" từ ngày 19-6-2018, tạm giam ngày 22-6-2018 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Châu Trường G (C con), sinh năm 1991; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

2. Anh Trì Ngọc Cẩm T, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

3. Anh Trần Văn G1 (N), sinh năm 1998; địa chỉ: ấp B, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2017, Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1975, trú tại ấp L, xã LT Nam, huyện Hòa Thành, có nợ số tiền 30.000.000 đồng của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969, trú tại khu phố T, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, và ông Hà Văn T, sinh năm 1955, trú tại ấp LT, xã LT Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nhưng Đ chưa trả. Phạm Phúc L biết việc Đ nợ tiền của vợ chồng bà Lan, ông Tơ nên hứa sẽ đòi nợ dùm cho bà Lan. L nhiều lần đến nhà của Đ đòi nợ và đe dọa sẽ đánh Đ. Do sợ bị đánh nên Đ nhờ Châu Trường G (C, và Trì Ngọc Cẩm T đứng ra nói chuyện với L cho Đ kéo dài thêm thời gian trả nợ nhưng L không đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 12/02/2018, G điều khiển xe ôtô biển số 51A-649.47 của G chở T và Trần Văn G (Nhứt) đến nhà của Đ. T vào nhà lấy 03 cây dao, 01 cây rựa và 06 viên đạn bỏ vào hàng ghế sau xe, rồi G điều khiển xe chở T và G1 đến quán cà phê Hoa Giấy thuộc ấp Long Chí, xã LT Trung, huyện Hòa Thành, Tây Ninh, để hẹn gặp L giải quyết mâu thuẫn.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Hứa Ngọc A (S), sinh năm 1992, trú tại khóm M, thị trấn N , huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, điều khiển xe môtô không rõ biển số của Ấn chở L về nhà của L. L vào nhà lấy 01 cây dao và 01 quả lựu đạn giả giấu trong người (Quả lựu đạn này L mượn của người tên Nưng không rõ lý lịch), rồi kêu A điều khiển xe chở L đến quán Hoa Giấy gặp nhóm của G.

Khi đến quán, A dừng xe bên ngoài chờ; còn L đi vào quán lấy quả lựu đạn giả cầm trên tay, rồi cãi nhau với nhóm của G. L nói "Tụi bây vô đây chết chung". G

thách thức thì L rút chốt quả lựu đạn ra và nói "Chọi chết mẹ tụi bây". Lúc này, do hoảng sợ nên T và G1 bỏ chạy vào bên trong quán, còn G chạy ngược ra đường. L đuổi theo và ném quả lựu đạn giả về phía G có khói màu vàng bốc lên, rồi lấy dao giấu trong người ra đuổi chém G nhưng G đã chạy thoát nên L lên xe cho A chở đi. Riêng G quay lại lấy xe ôtô biển số 51A-649.47 chở T và G1 đi đến khu vực cửa số 6 chùa Tòa Thánh thì bị lực lượng Công an huyện Hòa Thành dừng xe kiểm tra thu giữ 03 cây dao, 01 cây rựa, 06 viên đạn và mời cả ba về trụ sở làm việc.

Riêng L sau khi A chở về nhà thì bỏ trốn lên nhà chị gái tại xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến tháng 3-2018 về nhà và sử dụng ma túy nên bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh, ngày 17-4-2018 trốn khỏi cơ sở cai nghiện. Ngày 19-6-2018 bị công an huyện Hòa Thành bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1123 ngày 13/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát kết luận: Mẫu vật gửi giám Đ là lựu đạn tập, lựu đạn này thường sử dụng trong huấn luyện quân sự và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

Tại Kết luận giám định số 1123 ngày 09/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát kết luận: 06 viên đạn gửi giám Đ là đạn chưa bắn, thuộc loại đạn cỡ 7.62mm x 32,5mm, dùng cho súng có nòng 7,62mm như súng trường Carbine. Dùng khẩu súng Carbine bắn thực nghiệm ngẫu nhiên với 05/06 viên đạn nêu trên, kết quả đạn nổ. 06 viên đạn nêu trên là vũ khí quân dụng.

Tại Công văn số 140 ngày 06/6/2018 của Phòng Kỹ thuật thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh về việc giám định quả lựu đạn: Quả lựu đạn trên có thân hình giống lựu đạn tập, không gây nổ, không có ký hiệu, lô, loại nên không xác định rõ nguồn gốc.

Đối với Đ, G và T, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển xử lý hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép và không giao nộp vũ khí là có căn cứ.

Đối với G1 không biết việc G mang theo hung khí đi gặp L để giải quyết mâu thuẫn và Ấn không biết việc L mang theo lựu đạn giả để đe dọa người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại G, T và G1 không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 76/QĐ/KSĐT ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành đã truy tố bị cáo Phạm Phúc L (L Anh) về tội: "Đe dọa giết người" theo khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành giữ quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Phúc L (L Anh) về tội: "Đe dọa giết người", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 133, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Phúc L mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy Đ của pháp luật.

- *Tịch thu tiêu hủy các tài sản không còn giá trị sử dụng:*

+ 01 quả lựu đạn, phần thân bằng kim loại màu đen có khía rãnh, ngòi bằng nhựa.

+ 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 76 cm, cán bằng gỗ dài 15.5cm;

+ 01 Cây rựa bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34 cm;

+ 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi, dài 32 cm, cán bằng kim loại dài 12 cm;

+ 01 con dao bằng kim loại, một lưỡi sắt, dài 30cm, cán bằng gỗ dài 11 cm, có vỏ bằng gỗ dài 21 cm.

- Đối với 01 viên đạn bằng kim loại, màu vàng, dài 4,2 cm, đã gỉ sét, không xác định được ký hiệu không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra, Công an huyện Hòa Thành xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Phúc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với

lời khai của bị hại (các bút lục số 30, 31, 125, 126), người làm chứng (các bút lục số 37, 38, 41, 42), cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 20 giờ ngày 14-02-2018, tại quán cà phê Hoa Giấy, ấp Long Chí, xã LT Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do có mâu thuẫn từ trước nên Phạm Phước L dùng quản lựu đạn tập đe dọa giết Châu Trường G, Trì Ngọc Cẩm T và Trần Văn G. Khi thấy L rút mỏ vịt quả lựu đạn thì G, T và G1 hoảng sợ vì nghĩ là L ném lựu đạn thật để giết mình nên bỏ chạy. Hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Đe dọa giết người",* qui Đ tại điểm a, khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành công bố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo chỉ xin được nhận sự khoan hồng của pháp luật khi được nói lời sau cùng

[3] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sống của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất hung hăng xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo có một tiền án về tội "Cố ý gây thương tích" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu: Đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" đã được xóa án tích, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy được đưa đi cai nghiện nhưng bỏ trốn, sau đó lại có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bản án này chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý nghiêm minh, nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị tại bản luận tội là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo có cung cấp Quyết định thực hiện chế độ trợ cấp 01 lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế của ông Phạm Văn B, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên nên không chấp nhận đề nghị áp dụng tình tiết này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa. Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi

điểm của khung hình phạt mà điều luật qui định, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do anh Châu Trường G, anh Trì Ngọc Cẩm T, anh Trần Văn G1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 quả lựu đạn, phần thân bằng kim loại màu đen có khía rãnh, ngòi bằng nhựa, đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và hiện tại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Các đồ vật cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình điều tra không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 76 cm, cán bằng gỗ dài 15.5cm; 01 Cây rựa bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34 cm; 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi, dài 32 cm, cán bằng kim loại dài 12 cm; 01 con dao bằng kim loại, một lưỡi sắt, dài 30cm, cán bằng gỗ dài 11 cm, có vỏ bằng gỗ dài 21 cm.

Đối với 01 viên đạn bằng kim loại, màu vàng, dài 4,2 cm, đã gỉ sét, không xác Đ được ký hiệu được thu giữ trong quá trình điều tra là vũ khí thô sơ, đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Thành xử lý hành chính về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng đối với Nguyễn Ngọc Đ, Châu Trường G và Trì Ngọc Cẩm T. Viên đạn này không liên quan đến vụ án do đó, Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Thành quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Phúc L (L Anh) phạm tội "Đe dọa giết người".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Phúc L (L Anh) 03 (ba) năm tù, thời hạn thi hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 quả lựu đạn, phần thân bằng kim loại màu đen có khía rãnh, ngòi bằng nhựa; 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 76 cm, cán bằng gỗ dài 15.5cm; 01 Cây rựa bằng kim loại, loại một lưỡi sắt, dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34 cm; 01 con dao bằng kim loại, loại một lưỡi, dài 32 cm, cán bằng kim loại dài 12 cm; 01 con dao bằng kim loại, một lưỡi sắt, dài 30cm, cán bằng gỗ dài 11 cm, có vỏ bằng gỗ dài 21 cm.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Phúc L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CCTHADS huyện Hòa Thành;
- Công an huyện Hòa Thành;
- Bị cáo L;
- Bị hại G, G1, T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy Đ tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác Đ đúng theo quy Đ của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác Đ đúng theo quy Đ của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội

chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám Đ, người Đ giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết Đ.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: